

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 477/2026/DS-PT
Ngày: 12/5/2026.
V/v: tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình.

Các Thẩm phán:

Bà Sơn Nữ Phà Ca

Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Định - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026, về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2026/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 348/2026/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Ông Đặng Lâm S, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Quang H, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023) (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thiện M, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lê Vũ Phương T, sinh năm 1970. Địa chỉ: số I, khu phố P, phường P, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 29/9/2025) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/03/2023 của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm ông Phạm Quang H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/10/2017 ông S có cho ông M vay 100.000.000 đồng, khi vay có làm hợp đồng vay tiền, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn thanh toán là ngày 30/10/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng đến hạn trả nợ ông S yêu cầu ông M trả tiền nhưng ông M không trả, hiện nay ông M vẫn còn nợ ông S số tiền gốc 100.000.000 đồng.

Vào ngày 14/9/2019 ông S tiếp tục cho ông M vay 20.000.000 đồng khi vay có làm biên nhận, thời hạn thanh toán là 01 tháng ông M sẽ thanh toán cho ông S 21.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng đến hạn trả nợ ông S yêu cầu ông M trả tiền nhưng ông M không trả, hiện nay ông M vẫn còn nợ ông S số tiền gốc 20.000.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản vay ông M còn nợ ông S số tiền 120.000.000 đồng. Ông S nhiều lần yêu cầu ông M trả nhưng ông M không trả.

Nay ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông M phải trả cho ông S 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên Tòa, Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Vũ Phương T trình bày như sau:

Xác định ông M có ký hợp đồng vay tiền với ông S 02 lần với tổng số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai chục triệu đồng). Việc vay mượn có làm hợp đồng. Tuy nhiên, việc vay mượn này giữa hai bên có những thỏa thuận bên trong như sau:

Ông S và ông M thỏa thuận, ông S sẽ mua lại bảo hiểm của ông M với giá 55.000.000 đồng, sau đó ông M sẽ ủy quyền cho ông S nhận số tiền bảo hiểm của ông M và số tiền dư thì ông S sẽ hưởng. Ông S nhận tiền bảo hiểm của ông M, nhưng đến nay ông S vẫn chưa đưa cho ông M số tiền 55.000.000 đồng như đã thỏa thuận.

Đồng thời, ông S và ông M thỏa thuận cùng mua lại bảo hiểm của ông Đàm Ngọc B với số tiền 100.000.000 đồng, sau đó cả hai sẽ lãnh bảo hiểm của ông B và chia đôi số tiền dư của bảo hiểm. Ông M đã đưa cho ông B 100.000.000 đồng tiền mua bảo hiểm, gồm: 60.000.000 đồng tiền mặt và 40.000.000 đồng còn lại thì giữa ông M và ông B thỏa thuận cán trừ tiền thức ăn do ông B còn nợ tiền thức ăn của ông M. Ông S đã nhận tiền bảo hiểm của ông B, nhưng vẫn chưa đưa lại cho ông M số tiền 100.000.000 đồng ông M đã bỏ ra, cũng như tiền bảo hiểm dư ra mà hai bên đã thỏa thuận.

Ông M làm hợp đồng vay với ông S là hợp đồng giả cách để che đậy việc ông S mua bảo hiểm của ông B và ông M, chứ thực tế không có việc ông M vay tiền của ông S và ông S cũng không có đưa tiền cho ông M. Nên ông M không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông S.

Trước đây quá trình giải quyết vụ án ông M có phản tố yêu cầu ông S phải trả lại cho ông M số tiền 35.000.000 đồng, tuy nhiên tại Tòa ông M xin rút yêu cầu này đề nghị hội đồng xét xử xem xét.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2026/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Lâm S đối với bị đơn ông Nguyễn Thiện M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Thiện M có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Lâm S số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thiện M yêu cầu ông Đặng Lâm S trả lại số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026 bị đơn ông Nguyễn Thiện M kháng toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 11/DS-ST ngày 16/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: hủy nội dung của bản án dân sự sơ thẩm số 11/DS-ST ngày 16/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long về việc buộc ông Nguyễn Thiện M phải trả cho ông Đặng Lâm S số tiền 100.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 30/10/2017 do Văn phòng công chứng huyện B, tỉnh Bến Tre chứng nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thiện M trình bày nội dung kháng cáo: ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Căn cứ của việc kháng cáo là hợp đồng vay tiền ngày 30/10/2017 có ghi nhận việc giao nhận tiền do bên A và bên B tự giao nhận ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên, sau khi công chứng hợp đồng xong, ông S không có giao cho ông M số tiền 100.000.000đ và cũng không có biên nhận giao tiền.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký được phân công giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thiện M.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2026/DS-ST ngày 16/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng do là người cao tuổi nên được miễn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thiện M làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đại diện cho ông M xác định ông M

thống nhất sẽ trả cho ông S số tiền 20.000.000đ theo biên nhận ngày 14/9/2018, không kháng cáo đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không giải quyết đối với nội dung này.

[3] Xét kháng cáo của ông M không đồng ý trả ông T số tiền 100.000.000đ theo hợp đồng vay tiền đề ngày 30/10/2017, được Văn phòng công chứng huyện B, tỉnh Bến Tre chứng nhận cùng ngày. Vì đại diện của ông M cho rằng ông M có ký hợp đồng vay tiền, nhưng ông S không giao cho ông M số tiền 100.000.000đ, đây là hợp đồng giả cách để che đậy việc các bên mua bán bảo hiểm của ông Đàm Ngọc B và bảo hiểm của ông M. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm phía ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, phía nguyên đơn không thừa nhận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Mặc dù phía ông S không có biên nhận giao cho ông M số tiền 100.000.000đ, nhưng tại biên bản làm việc ngày 02/5/2024 (bút lục 56) của Tòa án cấp sơ thẩm, ông M thừa nhận có mượn số tiền 100.000.000đ của nguyên đơn theo hợp đồng vay tiền ngày 30/10/2017, nhưng ông M cho rằng ông S lấy tiền lãi trước 02 tháng là 36.000.000đ nên ông S chỉ đưa ông M số tiền 82.000.000đ và tại đơn phản tố đề ngày 09/01/2024 ông M cũng thừa nhận ông S có cho ông M vay số tiền 100.000.000đ. Vì vậy có căn cứ xác định ông M có vay của ông S số tiền 100.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 30/10/2017. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền vay 100.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 30/10/2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Ông Nguyễn Thiện M kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2026/DS-ST ngày 16/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông M phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng do ông M là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm,

[6] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thiện M;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2026/DS-ST ngày 16/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Lâm S đối với bị đơn ông Nguyễn Thiện M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Thiện M có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Lâm S số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thiện M yêu cầu ông Đặng Lâm S trả lại số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nêu số tiền nêu trên chưa được ông M thi hành án, thì hàng tháng ông M còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi hành án xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thiện M được miễn nộp án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình